TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-11-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 473/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025; giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim A, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: Xóm K, xã T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Anh T, C, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn P, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Xóm K, xã T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Anh T, C, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ngô Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim A và ông Hồ Văn P tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2019 ngày 18/3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ lâu. Thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống.

Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Văn Xuân L, sinh ngày 25/6/2019 và cháu Hồ Ngọc Hà M, sinh ngày 15/01/2022. Khi ly hôn bà Ngô Thị Kim A yêu cầu giao 02 con chung cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngô Thị Kim A không yêu cầu ông Hồ Văn P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình tố tụng ông Hồ Văn P trình bày: Ông không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không có yêu cầu phản tố trong vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Anh khởi kiện ông P yêu cầu ly hôn, ông P hiện đang tạm trú tại địa chỉ: Nhà T, C, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Ngô Thị Kim A, bị đơn ông Hồ Văn P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim A và ông Hồ Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2019 ngày 18/3/2019 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông P.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia

sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông P không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án đã triệu tập ông P tham gia hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng ông P vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà A cương quyết yêu cầu ly hôn và không đồng ý đoàn tụ với ông P. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà A về việc ly hôn với ông P.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Văn Xuân L, sinh ngày 25/6/2019 và cháu Hồ Ngọc Hà M, sinh ngày 15/01/2022. Khi ly hôn bà Ngô Thị Kim A yêu cầu giao 02 con chung cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung do bà A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hiện nay cháu L và cháu M còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, bà A yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Bà Ngô Thị Kim A không yêu cầu ông Hồ Văn P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà bà Ngô Thị Kim A với bị đơn ông Hồ Văn P về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà bà Ngô Thị Kim A được ly hôn ông Hồ Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Văn Xuân L, sinh ngày 25/6/2019 và cháu Hồ Ngọc Hà M, sinh ngày 15/01/2022 cho bà Ngô Thị Kim A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồ Văn P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024144 ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết